

Số: 09 /2024/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 18/TTr-STTTT ngày 19 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan báo chí của tỉnh được cấp phép hoạt động báo in, báo điện tử.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động báo in, báo điện tử thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên

- Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tòa soạn báo (chi tiết theo Phụ lục I kèm theo Quyết định này).
- Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng (chi tiết theo Phụ lục II kèm theo Quyết định này).

3. Định mức công tác thiết kế, chế bản báo in (chi tiết theo Phụ lục III kèm theo Quyết định này).

4. Định mức công tác thiết kế, chế bản, đăng tải báo điện tử (chi tiết theo Phụ lục IV kèm theo Quyết định này).

5. Định mức công tác in các loại ấn phẩm báo in (chi tiết theo Phụ lục V kèm theo Quyết định này).

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 5 năm 2024.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc áp dụng thực hiện Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan báo chí của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Tua*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Báo Thái Nguyên; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Tạp chí Văn nghệ Thái Nguyên; Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh;
- Hội Nhà báo tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, TH, KT.

Thaidh/QĐ04.T5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Tiến

PHỤ LỤC I
ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC XÂY DỰNG BẢN THẢO VÀ BIÊN TẬP BẢN
THẢO TÁC PHẨM BÁO CHÍ CỦA TÒA SOẠN BÁO
(Kèm theo Quyết định số *09* /2024/QĐ-UBND ngày *07* tháng 5 năm 2024 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

1. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tin, bài phản ánh

1.1. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tin văn

Đơn vị tính: 01 tin văn

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Tin không sử dụng tư liệu khai thác lại
01.01.01.01	<i>Nhân công</i>		
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,072
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	0,126
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	0,675
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,027
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,045
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,135
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,8478
	Máy in laser A4	Ca	0,00027
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	3,6
	Mực in laser A4	Hộp	0,0018
	Vật liệu phụ	%	9

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác lại từ nguồn tin, bài trong nước			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.01.01	Nhân công					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,063	0,063	0,054	0,045
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	0,108	0,099	0,09	0,081
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	0,576	0,54	0,504	0,441
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,027	0,027	0,027	0,027
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,045	0,045	0,045	0,045
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,135	0,135	0,135	0,135
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,72	0,684	0,639	0,549
	Máy in laser A4	Ca	0,00027	0,00027	0,00027	0,00027
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	3,6	3,6	3,6	3,6
	Mực in laser A4	Hộp	0,0018	0,0018	0,0018	0,0018
	Vật liệu phụ	%	9	9	9	9

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.01.01	Nhân công					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,072	0,063	0,063	0,054
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	0,117	0,108	0,099	0,09
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	0,612	0,576	0,54	0,477
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,027	0,027	0,027	0,027
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,045	0,045	0,045	0,045
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,135	0,135	0,135	0,135
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,765	0,72	0,684	0,594
	Máy in laser A4	Ca	0,00027	0,00027	0,00027	0,00027
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	3,6	3,6	3,6	3,6
	Mực in laser A4	Hộp	0,0018	0,0018	0,0018	0,0018
	Vật liệu phụ	%	9	9	9	9

1.2. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tin ngắn

Đơn vị tính: 01 tin ngắn

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Tin không sử dụng tư liệu khai thác lại
01.01.01.02	<i>Nhân công</i>		
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,099
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	0,162
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	0,891
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,045
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,081
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,216
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,1988
	Máy in laser A4	Ca	0,00063
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	7,2
	Mực in laser A4	Hộp	0,0027
	Vật liệu phụ	%	9

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.01.02	Nhân công					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,081	0,081	0,072	0,063
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	0,135	0,135	0,126	0,108
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	0,756	0,711	0,666	0,576
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,045	0,045	0,045	0,045
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,081	0,081	0,081	0,081
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,216	0,216	0,216	0,216
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,017	0,963	0,9	0,783
	Máy in laser A4	Ca	0,00063	0,00063	0,00063	0,00063
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	7,2	7,2	7,2	7,2
	Mực in laser A4	Hộp	0,0027	0,0027	0,0027	0,0027
	Vật liệu phụ	%	9	9	9	9

Đơn vị tính: 01 tin ngắn

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài			
			Đến 30 %	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.01.02	Nhân công					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,09	0,081	0,081	0,072
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	0,144	0,135	0,135	0,117
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	0,801	0,756	0,711	0,621
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,045	0,045	0,045	0,045
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,081	0,081	0,081	0,081
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,216	0,216	0,216	0,216
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,08	1,017	0,963	0,837
	Máy in laser A4	Ca	0,00063	0,00063	0,00063	0,00063
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	7,2	7,2	7,2	7,2
	Mực in laser A4	Hộp	0,0027	0,0027	0,0027	0,0027
	Vật liệu phụ	%	9	9	9	9

1.3. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tin sâu

Đơn vị tính: 01 tin sâu

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Tin không sử dụng tư liệu khai thác lại
01.01.01.03	<i>Nhân công</i>		
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,144
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	0,225
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	1,422
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,117
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,171
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,405
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,98
	Máy in laser A4	Ca	0,00117
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	14,4
	Mực in laser A4	Hộp	0,0054
	Vật liệu phụ	%	9

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.01.03	Nhân công					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,117	0,117	0,108	0,09
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	0,189	0,18	0,171	0,144
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	1,215	1,143	1,071	0,927
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,117	0,117	0,117	0,117
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,171	0,171	0,171	0,171
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,405	0,405	0,405	0,405
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,683	1,584	1,485	1,287
	Máy in laser A4	Ca	0,00117	0,00117	0,00117	0,00117
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	14,4	14,4	14,4	14,4
	Mực in laser A4	Hộp	0,0054	0,0054	0,0054	0,0054
	Vật liệu phụ	%	9	9	9	9

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.01.03	Nhân công					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,117	0,117	0,108	0,09
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	0,189	0,18	0,171	0,144
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	1,215	1,143	1,071	0,927
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,117	0,117	0,117	0,117
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,171	0,171	0,171	0,171
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,405	0,405	0,405	0,405
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,782	1,683	1,584	1,386
	Máy in laser A4	Ca	0,00117	0,00117	0,00117	0,00117
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	14,4	14,4	14,4	14,4
	Mực in laser A4	Hộp	0,0054	0,0054	0,0054	0,0054
	Vật liệu phụ	%	9	9	9	9

1.4. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại bài phản ánh

Đơn vị tính: 01 bài phản ánh

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bài không sử dụng tư liệu khai thác lại
01.01.01.04	<i>Nhân công</i>		
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,297
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	0,486
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	2,943
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,162
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,45
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	1,026
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	4,2903
	Máy in laser A4	Ca	0,00225
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	27
	Mực in laser A4	Hộp	0,0108
	Vật liệu phụ	%	9

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.01.04	Nhân công					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,252	0,243	0,225	0,198
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	0,414	0,387	0,369	0,315
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	2,502	2,358	2,205	1,917
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,162	0,162	0,162	0,162
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,45	0,45	0,45	0,45
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	1,026	1,026	1,026	1,026
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	3,645	3,429	3,222	2,79
	Máy in laser A4	Ca	0,00225	0,00225	0,00225	0,00225
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	27	27	27	27
	Mực in	Hộp	0,0108	0,0108	0,0108	0,0108
	Vật liệu phụ	%	9	9	9	9

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.01.04	Nhân công					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,27	0,252	0,243	0,207
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	0,441	0,414	0,387	0,342
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	2,646	2,502	2,358	2,061
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,162	0,162	0,162	0,162
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,45	0,45	0,45	0,45
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	1,026	1,026	1,026	1,026
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	3,861	3,645	3,429	3,006
	Máy in laser A4	Ca	0,00225	0,00225	0,00225	0,00225
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	27	27	27	27
	Mực in laser A4	Hộp	0,0108	0,0108	0,0108	0,0108
	Vật liệu phụ	%	9	9	9	9

2. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại chính luận

Đơn vị tính: 01 bài chính luận

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bài không sử dụng tư liệu khai thác lại
01.01.02.01	Nhân công		
	Phóng viên hạng I bậc 4/6	Công	3,321
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	5,382
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	0,396
	Biên tập viên hạng I bậc 4/6	Công	2,493
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	5,364
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	13,5603
	Máy in laser A4	Ca	0,01125
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	135
	Mực in laser A4	Hộp	0,054
	Vật liệu phụ	%	9

Đơn vị tính: 01 bài chính luận

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.02.01	Nhân công					
	Phóng viên hạng I bậc 4/6	Công	2,817	2,655	2,493	2,16
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	4,572	4,302	4,032	3,501
	Phóng viên hạng	Công	0,333	0,315	0,297	0,252

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
	III bậc 5/9					
	Biên tập viên hạng I bậc 4/6	Công	2,493	2,493	2,493	2,493
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	5,364	5,364	5,364	5,364
	<i>Máy sử dụng</i>					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	11,529	10,845	10,170	8,811
	Máy in laser A4	Ca	0,01125	0,01125	0,01125	0,01125
	<i>Vật liệu sử dụng</i>					
	Giấy A4	Tờ	135	135	135	135
	Mực in laser A4	Hộp	0,054	0,054	0,054	0,054
	Vật liệu phụ	%	9	9	9	9

Đơn vị tính: 01 bài chính luận

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.02.01	<i>Nhân công</i>					
	Phóng viên hạng I bậc 4/6	Công	2,988	2,817	2,655	2,322
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	4,842	4,572	4,302	3,771

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	0,351	0,333	0,315	0,279
	Biên tập viên hạng I bậc 4/6	Công	2,493	2,493	2,493	2,493
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	5,364	5,364	5,364	5,364
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	12,204	11,529	10,845	9,495
	Máy in laser A4	Ca	0,01125	0,01125	0,01125	0,01125
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	135	135	135	135
	Mực in laser A4	Hộp	0,054	0,054	0,054	0,054
	Vật liệu phụ	%	9	9	9	9

3. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại phóng sự, ký sự, điều tra

3.1. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại phóng sự, ký sự

Đơn vị tính: 01 bài ký sự 1 kỳ/bài phóng sự 1 kỳ

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bài không sử dụng tư liệu khai thác lại
01.01.03.01	Nhân công		
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,117
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	4,068

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bài không sử dụng tư liệu khai thác lại
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	9,153
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,225
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	2,25
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	5,517
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	17,055
	Máy ghi âm chuyên dụng	Ca	9,3321
	Máy in laser A4	Ca	0,009
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	108
	Mực in laser A4	Hộp	0,0432
	Vật liệu phụ	%	9

Đơn vị tính: 01 bài ký sự 1 kỳ/ bài phóng sự 1 kỳ

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác lại từ nguồn tin, bài trong nước			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.03.01	Nhân công					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,099	0,09	0,081	0,072
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	3,456	3,258	3,051	2,646
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	7,776	7,317	6,867	5,949

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác lại từ nguồn tin, bài trong nước			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,225	0,225	0,225	0,225
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	2,25	2,25	2,25	2,25
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	5,517	5,517	5,517	5,517
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	ca	14,499	13,644	12,789	11,088
	Máy ghi âm chuyên dụng	Ca	7,929	7,47	7,002	6,066
	Máy in laser A4	Ca	0,009	0,009	0,009	0,009
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	108	108	108	108
	Mực in laser A4	Hộp	0,0432	0,0432	0,0432	0,0432
	Vật liệu phụ	%	9	9	9	9

Đơn vị tính: 01 bài ký sự 1 kỳ/bài phóng sự 1 kỳ

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.03.01	Nhân công					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,099	0,099	0,09	0,081
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	3,663	3,456	3,258	2,844

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	8,235	7,776	7,317	6,408
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,225	0,225	0,225	0,225
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	2,25	2,25	2,25	2,25
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	5,517	5,517	5,517	5,517
	<i>Máy sử dụng</i>					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	15,354	14,499	13,644	11,943
	Máy ghi âm chuyên dụng	Ca	8,397	7,929	7,47	6,534
	Máy in laser A4	Ca	0,009	0,009	0,009	0,009
	<i>Vật liệu sử dụng</i>					
	Giấy A4	Tờ	108	108	108	108
	Mực in laser A4	Hộp	0,0432	0,0432	0,0432	0,0432
	Vật liệu phụ	%	9	9	9	9

3.2. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại điều tra

Đơn vị tính: 01 bài điều tra 1 kỳ

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bài không sử dụng tư liệu khai thác lại
01.01.03.02	Nhân công		
	Phóng viên hạng I bậc 4/6	Công	0,342
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	3,654
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	9,99
	Biên tập viên hạng I bậc 4/6	Công	0,297
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	1,953
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	5,553
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	17,4303
	Máy ghi âm chuyên dụng	Ca	9,7911
	Máy in laser A4	Ca	0,009
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	108
	Mực in laser A4	Hộp	0,0432
	Vật liệu phụ	%	9

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác lại từ nguồn tin, bài trong nước			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.03.02	Nhân công					
	Phóng viên hạng I bậc 4/6	Công	0,288	0,27	0,252	0,216
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	3,105	2,925	2,745	2,376
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	8,496	7,992	7,497	6,498
	Biên tập viên hạng I bậc 4/6	Công	0,297	0,297	0,297	0,297
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	1,953	1,953	1,953	1,953
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	5,553	5,553	5,553	5,553
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	14,814	13,941	13,077	11,331
	Máy ghi âm chuyên dụng	Ca	8,325	7,83	7,344	6,363
	Máy in laser A4	Ca	0,009	0,009	0,009	0,009
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	108	108	108	108
	Mực in laser A4	Hộp	0,0432	0,0432	0,0432	0,0432
	Vật liệu phụ	%	9	9	9	9

Đơn vị tính: 01 bài điều tra 1 kỳ

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác lại từ nguồn tin, bài nước ngoài			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.03.02	Nhân công					
	Phóng viên hạng I bậc 4/6	Công	0,306	0,288	0,27	0,234
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	3,294	3,105	2,925	2,556
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	8,991	8,496	7,992	6,993
	Biên tập viên hạng I bậc 4/6	Công	0,297	0,297	0,297	0,297
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	1,953	1,953	1,953	1,953
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	5,553	5,553	5,553	5,553
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	15,687	14,814	13,941	12,204
	Máy ghi âm chuyên dụng	Ca	8,811	8,325	7,83	6,858
	Máy in laser A4	Ca	0,009	0,009	0,009	0,009
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	108	108	108	108
	Mực in laser A4	Hộp	0,0432	0,0432	0,0432	0,0432
	Vật liệu phụ	%	9	9	9	9

4. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại bài phỏng vấn

Đơn vị tính: 01 bài phỏng vấn

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bài không sử dụng tư liệu khai thác lại
01.01.04.01	<i>Nhân công</i>		
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,117
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	4,275
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	8,118
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,225
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	1,8
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	4,014
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	14,8347
	Máy ghi âm chuyên dụng	Ca	8,7543
	Máy in laser A4	Ca	0,009
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	108
	Mực in laser A4	Hộp	0,0432
	Vật liệu phụ	%	9

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác lại từ nguồn tin, bài trong nước			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.04.01	Nhân công					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,099	0,09	0,081	0,072
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	3,636	3,42	3,204	2,781
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	6,903	6,498	6,093	5,274
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,225	0,225	0,225	0,225
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	1,8	1,8	1,8	1,8
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	4,014	4,014	4,014	4,014
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	12,609	11,871	11,124	9,639
	Máy ghi âm chuyên dụng	Ca	7,443	7,002	6,57	5,688
	Máy in laser A4	Ca	0,009	0,009	0,009	0,009
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	108	108	108	108
	Mực in laser A4	Hộp	0,0432	0,0432	0,0432	0,0432
	Vật liệu phụ	%	9	9	9	9

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.04.01	Nhân công					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,099	0,099	0,09	0,081
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	3,852	3,636	3,42	2,997
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	7,308	6,903	6,498	5,679
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,225	0,225	0,225	0,225
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	1,8	1,8	1,8	1,8
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	4,014	4,014	4,014	4,014
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	13,356	12,609	11,871	10,386
	Máy ghi âm chuyên dụng	Ca	7,875	7,443	7,002	6,129
	Máy in laser A4	Ca	0,009	0,009	0,009	0,009
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	108	108	108	108
	Mực in laser A4	Hộp	0,0432	0,0432	0,0432	0,0432
	Vật liệu phụ	%	9	9	9	9

5. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại bài nghiên cứu trao đổi

Đơn vị tính: 01 bài nghiên cứu trao đổi

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bài không sử dụng tư liệu khai thác lại
01.01.05.01	Nhân công		
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,378
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	3,132
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	4,671
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,261
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	1,467
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	3,204
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	10,485
	Máy in laser A4	Ca	0,00603
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	72
	Mực in laser A4	Hộp	0,0288
	Vật liệu phụ	%	9

Đơn vị tính: 01 bài nghiên cứu trao đổi

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác lại từ nguồn tin, bài trong nước			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.05.01	Nhân công					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,315	0,297	0,279	0,243
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	2,664	2,502	2,349	2,034
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	3,969	3,735	3,501	3,033

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác lại từ nguồn tin, bài trong nước			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,261	0,261	0,261	0,261
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	1,467	1,467	1,467	1,467
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	3,204	3,204	3,204	3,204
	<i>Máy sử dụng</i>					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	8,91	8,388	7,866	6,813
	Máy in laser A4	Ca	0,00603	0,00603	0,00603	0,00603
	<i>Vật liệu sử dụng</i>					
	Giấy A4	Tờ	72	72	72	72
	Mực in laser A4	Hộp	0,0288	0,0288	0,0288	0,0288
	Vật liệu phụ	%	9	9	9	9

Đơn vị tính: 01 bài nghiên cứu trao đổi

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.05.01	<i>Nhân công</i>					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,342	0,315	0,297	0,261
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	2,817	2,664	2,502	2,196
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	4,203	3,969	3,735	3,267
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,261	0,261	0,261	0,261

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	1,467	1,467	1,467	1,467
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	3,204	3,204	3,204	3,204
	<i>Máy sử dụng</i>					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	9,441	8,91	8,388	7,344
	Máy in laser A4	Ca	0,00603	0,00603	0,00603	0,00603
	<i>Vật liệu sử dụng</i>					
	Giấy A4	Tờ	72	72	72	72
	Mực in laser A4	Hộp	0,0288	0,0288	0,0288	0,0288
	Vật liệu phụ	%	9	9	9	9

6. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại ảnh báo chí

6.1. Bảng định mức xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tin ảnh

Đơn vị tính: 01 bức ảnh (tin ảnh)

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.01.06.01	<i>Nhân công</i>		
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,153
	Phóng viên hạng II bậc 4/8	Công	0,234
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	2,232
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,018
	Biên tập viên hạng II bậc 4/8	Công	0,081
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,54

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,9575
	Máy ảnh chuyên dụng	Ca	0,8928
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,00027
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	3,6
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,00144
	Vật liệu phụ	%	9

6.2. Bảng định mức xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại ảnh minh họa

Đơn vị tính: 01 bức ảnh (ảnh minh họa)

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.01.06.02	Nhân công		
	Phóng viên hạng II bậc 4/8	Công	0,153
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	0,864
	Biên tập viên hạng II bậc 4/8	Công	0,045
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,297
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,8154
	Máy ảnh chuyên dụng	Ca	0,3447
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,00027
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	3,6
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,00144
	Vật liệu phụ	%	9

7. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tranh báo chí

7.1. Bảng định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tranh minh họa

Đơn vị tính: 01 bức tranh

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.01.07.01	<i>Nhân công</i>		
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	1,467
	Biên tập viên hạng II bậc 4/8	Công	0,045
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,297
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,17
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,00018
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	3,6
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,0009
	Vật liệu phụ	%	9

7.2. Bảng định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tranh biếm họa

Đơn vị tính: 01 bức tranh

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.01.07.02	<i>Nhân công</i>		
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	1,782
	Biên tập viên hạng II bậc 4/8	Công	0,045
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,36
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,4247

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,00018
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	3,6
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,0009
	Vật liệu phụ	%	9

8. Định mức công tác biên tập bản thảo đối với thể loại trả lời bạn đọc

Đơn vị tính: 01 tin /bài trả lời bạn đọc

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.01.08.01	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,018
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,675
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	2,124
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	2,2572
	Máy in laser A4	Ca	0,0045
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	54
	Mực in laser A4	Hộp	0,0216
	Vật liệu phụ	%	9

PHỤ LỤC II
ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC BIÊN TẬP BẢN THẢO TÁC PHẨM BÁO CHÍ
CỦA TÁC GIẢ GỬI ĐĂNG

(Kèm theo Quyết định số **09** /2024/QĐ-UBND ngày **04** tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

1. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại tin

1.1. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại tin văn

Đơn vị tính: 01 tin văn

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.01.01	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,036
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,063
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,279
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,306
	Máy in laser A4	Ca	0,00027
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	3,6
	Mực in laser A4	Hộp	0,00144
	Vật liệu phụ	%	9

1.2. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại tin ngắn

Đơn vị tính: 01 tin ngắn

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.01.02	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,099
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,18
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,369
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,513
	Máy in laser A4	Ca	0,00045
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	5,4
	Mực in laser A4	Hộp	0,00216
	Vật liệu phụ	%	9

1.3. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại tin sâu

Đơn vị tính: 01 tin sâu

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.01.03	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,18
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,279
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,639
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,882
	Máy in laser A4	Ca	0,00072
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	9
	Mực in laser A4	Hộp	0,0036
	Vật liệu phụ	%	9

2. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại bài phản ánh

Đơn vị tính: 01 bài phản ánh

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.02.01	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,45
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,657
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	1,215
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,863
	Máy in laser A4	Ca	0,00162
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	19,8
	Mực in laser A4	Hộp	0,00792
	Vật liệu phụ	%	9

3. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại bài chính luận

Đơn vị tính: 01 bài chính luận

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.03.01	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 4/6	Công	2,817
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	5,904
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,117
	<i>Máy sử dụng</i>		

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
	Máy tính chuyên dụng	Ca	7,065
	Máy in laser A4	Ca	0,01125
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	135
	Mực in laser A4	Hộp	0,054
	Vật liệu phụ	%	9

4. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại bài phóng sự, ký sự, điều tra

4.1. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại bài phóng sự, ký sự

Đơn vị tính: 01 bài ký sự 1 kỳ/phóng sự 1 kỳ

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.04.01	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,342
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	2,646
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	6,579
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	7,65
	Máy in laser A4	Ca	0,009
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	108
	Mực in laser A4	Hộp	0,0432
	Vật liệu phụ	%	9

4. 2. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại bài phóng sự điều tra

Đơn vị tính: 01 bài điều tra 1 kỳ

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.04.02	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 4/6	Công	0,414
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	2,304
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	7,011
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	7,785
	Máy in laser A4	Ca	0,009
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	108
	Mực in laser A4	Hộp	0,0432
	Vật liệu phụ	%	9

5. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại bài phỏng vấn

Đơn vị tính: 01 bài phỏng vấn

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.05.01	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,342
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	2,196
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	4,743
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	5,823
	Máy in laser A4	Ca	0,009
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	108
	Mực in laser A4	Hộp	0,0432
	Vật liệu phụ	%	9

6. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại văn học

6.1. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại văn xuôi

Đơn vị tính: 01 bản thảo văn xuôi

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.06.01	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,153
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	1,782
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	4,707
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	5,31
	Máy in laser A4	Ca	0,00297
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	36
	Mực in laser A4	Hộp	0,0144
	Vật liệu phụ	%	9

6.2. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại thơ

Đơn vị tính: 01 bản thảo thơ

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.06.02	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,153
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,9
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	2,835
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	3,105
	Máy in laser A4	Ca	0,00072
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	9
	Mực in laser A4	Hộp	0,0036
	Vật liệu phụ	%	9

7. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo của tác giả gửi đăng đối với thể loại bài nghiên cứu trao đổi

Đơn vị tính: 01 bài nghiên cứu trao đổi

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.07.01	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,297
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	1,782
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	3,753
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	4,662
	Máy in laser A4	Ca	0,00603
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	72
	Mực in	Hộp	0,0288
	Vật liệu phụ	%	9

8. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại bài báo khoa học

Đơn vị tính: 01 bài báo khoa học

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.08.01	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,639
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	2,475
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	6,111
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	7,38
	Máy in laser A4	Ca	0,00378
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	45
	Mực in laser A4	Hộp	0,018
	Vật liệu phụ	%	9

9. Định mức công tác biên tập bản thảo ảnh báo chí được sưu tầm hoặc của tác giả chụp gửi đăng

9.1. Bảng định mức biên tập bản thảo tin ảnh của tác giả chụp gửi đăng

Đơn vị tính: 01 bức ảnh

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.09.01	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,072
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,189
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,882
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,918
	Máy in laser A4	Ca	0,00027
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	3,6
	Mực in laser A4	Hộp	0,00144
	Vật liệu phụ	%	9

9.2. Bảng định mức biên tập bản thảo ảnh minh họa sưu tầm:

Đơn vị tính: 01 bức ảnh

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.09.02	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,162
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,54
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,567
	Máy in laser A4	Ca	0,00027
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	3,6
	Mực in laser A4	Hộp	0,00144
	Vật liệu phụ	%	9

9.3. Bảng định mức biên tập bản thảo ảnh minh họa của tác giả chụp gửi đăng

Đơn vị tính: 01 bức ảnh

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.09.03	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,153
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,522
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,54
	Máy in laser A4	Ca	0,00027
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	3,6
	Mực in laser A4	Hộp	0,00144
	Vật liệu phụ	%	9

10. Định mức công tác biên tập bản thảo tranh báo chí được sưu tầm hoặc của tác giả vẽ gửi đăng

10.1. Bảng định mức công tác biên tập bản thảo tranh minh họa sưu tầm

Đơn vị tính: 01 bức tranh

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.10.01	<i>Nhân công</i>		
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	0,81
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,648
	Máy in laser A4	Ca	0,00027
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	3,6
	Mực in laser A4	Hộp	0,00144
	Vật liệu phụ	%	9

10.2. Bảng định mức công tác biên tập bản thảo tranh minh họa tác giả vẽ gửi đăng

Đơn vị tính: 01 bức tranh

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.10.02	<i>Nhân công</i>		
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	0,801
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,639
	Máy in laser A4	Ca	0,00027
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	3,6
	Mực in laser A4	Hộp	0,00144
	Vật liệu phụ	%	9

10.3. Bảng định mức công tác biên tập bản thảo tranh biếm họa sưu tầm

Đơn vị tính: 01 bức tranh

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.10.03	<i>Nhân công</i>		
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	1,071
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,855
	Máy in laser A4	Ca	0,00027
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	3,6
	Mực in laser A4	Hộp	0,00144
	Vật liệu phụ	%	9

10. 4. Bảng định mức công tác biên tập bản thảo tranh biếm họa tác giả vẽ gửi đăng

Đơn vị tính: 01 bức tranh

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.10.04	<i>Nhân công</i>		
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	0,936
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,747
	Máy in laser A4	Ca	0,00027
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	3,6
	Mực in	Hộp	0,00144
	Vật liệu phụ	%	9

PHỤ LỤC III
ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC THIẾT KẾ, CHẾ BẢN BẢO IN
(Kèm theo Quyết định số *09* /2024/QĐ-UBND ngày *07* tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

1. Thiết kế layout trang báo in

1.1. Bảng định mức thiết kế layout trang báo in khổ A3

Đơn vị tính: 01 trang A3

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
02.01.01.01	<i>Nhân công</i>		
	Kỹ sư bậc 3/9	Công	1,197
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,342
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,2303
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,00027
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4 (quy đổi 1 tờ A3 bằng 2 tờ A4)	Tờ	3,6
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,0018

1.2. Bảng định mức thiết kế layout trang báo in khổ A4

Đơn vị tính: 01 trang A4

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
02.01.01.02	<i>Nhân công</i>		
	Kỹ sư bậc 3/9	Công	0,639
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,171
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,6453
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,00018
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	1,8
	Mực in màu laser A4 màu	Hộp	0,0009

2. Thiết kế trình bày trang nhất tờ báo in

2.1. Tên định mức: Định mức công tác thiết kế trình bày trang nhất tờ báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn)

2.2. Bảng định mức

2.2.1. Bảng định mức thiết kế trình bày trang nhất tờ báo in khổ A3

Đơn vị tính: 01 trang khổ A3

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
02.02.01.01	Nhân công		
	Kỹ sư bậc 3/9	Công	0,522
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,279
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,6453
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,00045
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4 (quy đổi 1 tờ A3 bằng 2 tờ A4)	Tờ	5,4
	Mực in màu laser A4 màu	Hộp	0,0018

2.2.2. Bảng định mức thiết kế trình bày trang nhất tờ báo in khổ A4

Đơn vị tính: 01 trang khổ A4

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
02.02.01.02	Nhân công		
	Kỹ sư bậc 3/9	Công	0,396
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,225
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,495
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,00045
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	5,4
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,0018

2.2.3. Bảng định mức thiết kế trình bày trang bìa ngoài báo in dạng sách (bao gồm tạp chí in, đặc san), bìa cơ bản, đơn giản, hài hoà giữa chữ và hình ảnh minh họa

Đơn vị tính: 01 bìa ngoài sách

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
02.02.01.03	Nhân công		
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	1,134
	Kỹ sư bậc 5/9	Công	2,322
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	2,763
	Máy in laser A4	Ca	0,00027
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy	Tờ	3,6
	Mực in laser A4	Hộp	0,0018
	Vật liệu phụ	%	9

3. Thiết kế trình bày chữ trong báo in

3.1. Tên định mức: Định mức công tác thiết kế trình bày chữ trong báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn, đặc san, tạp chí in)

3.2. Bảng định mức thiết kế trình bày chữ trong báo in

Đơn vị tính: 01 tin, bài

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
02.02.01.01	Nhân công		
	Kỹ sư bậc 3/9	Công	0,0153
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,0054
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,0171
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,00045
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	5,4
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,0018

4. Thiết kế trình bày tranh, ảnh trong báo in

4.1. Tên định mức: Định mức công tác thiết kế trình bày tranh, ảnh trong báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn, đặc san, tạp chí in)

4.2. Bảng định mức thiết kế trình bày tranh, ảnh trong báo in

Đơn vị tính: 01 tranh (ảnh)

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
02.04.01.01	Nhân công		
	Kỹ sư bậc 3/9	Công	0,0855
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,018
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,0891
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,00045
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	5,4
	Mực in màu	Hộp	0,0018

5. Thiết kế trình bày bảng, hộp chữ trong báo in

5.1. Tên định mức: Định mức công tác thiết kế trình bày bảng, hộp chữ trong báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn, đặc san, tạp chí in)

5.2. Bảng định mức thiết kế trình bày bảng biểu, hộp chữ trong báo in

Đơn vị tính: 01 bảng biểu/hộp chữ

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
02.05.01.01	Nhân công		
	Kỹ sư bậc 3/9	Công	0,0693
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,0153
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,0774
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,00045
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	5,4
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,0018

PHỤ LỤC IV
ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC THIẾT KẾ, CHẾ BẢN, ĐĂNG TẢI BÁO ĐIỆN TỬ
(Kèm theo Quyết định số **09** /2024/QĐ-UBND ngày **04** tháng 5 năm 2024 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

1. Thiết kế layout trang báo điện tử

1.1. Tên định mức: Định mức công tác thiết kế layout trang báo điện tử

1.2. Bảng định mức thiết kế layout trang báo điện tử

Đơn vị tính: 01 trang

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
03.01.01.01	<i>Nhân công</i>		
	Kỹ sư bậc 3/9	Ca	0,0639
	Họa sĩ bậc 3/9	Ca	0,0171
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,0648
	Máy in laser A4	Ca	0,00018
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	1,8
	Mực in laser A4	Hộp	0,0009

2. Thiết kế trình bày trang trượt (slide) báo điện tử

2.1. Tên định mức: Định mức công tác thiết kế trình bày trang trượt (slide) báo điện tử (bao gồm báo điện tử, chuyên trang báo điện tử, tạp chí điện tử)

2.2. Bản định mức

2.2.1. Bảng định mức thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có chữ cho báo điện tử

Đơn vị tính: 01 trang (slide)

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
03.02.01.01	<i>Nhân công</i>		
	Kỹ sư bậc 3/9	Công	0,243
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,072

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,2547
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,00018
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	1,8
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,0009

2.2.2. Bảng định mức thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có bảng biểu, hộp chữ cho báo điện tử

Đơn vị tính: 01 trang (slide)

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
03.02.01.02	Nhân công		
	Kỹ sư bậc 3/9	Công	0,288
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,09
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,3078
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,00018
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	1,8
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,0009

2.2.3. Bảng định mức thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có tranh, ảnh cho báo điện tử

Đơn vị tính: 01 trang (slide)

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
03.02.01.03	Nhân công		
	Kỹ sư bậc 3/9	Công	0,243
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,09
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,27
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,00018
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	1,8
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,0009

2.2.4. Bảng định mức thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có Video cho báo điện tử

Đơn vị tính: 01 trang (slide)

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
03.02.01.04	<i>Nhân công</i>		
	Kỹ sư bậc 3/9	Công	0,261
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,09
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,2853
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,00018
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	1,8
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,0009

2.2.5. Bảng định mức thiết kế trình bày trang trượt (slide) hỗn hợp các dạng chữ, bảng biểu, hộp chữ, tranh, ảnh, video cho báo điện tử

Đơn vị tính: 01 trang (slide)

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
03.02.01.05	<i>Nhân công</i>		
	Kỹ sư bậc 3/9	Công	0,315
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,117
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,3447
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,00018
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	1,8
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,0009

3. Thiết kế trình bày chữ trong báo điện tử

3.1. Tên định mức: Định mức công tác thiết kế trình bày chữ trong báo điện tử

3.2. Bảng định mức thiết kế trình bày chữ trong báo điện tử

Đơn vị tính: 01 tin, bài

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
03.03.01.01	Nhân công		
	Kỹ sư bậc 3/9	Công	0,0693
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,0162
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,0828
	Máy in laser A4	Ca	0,00045
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	5,4
	Mực in laser A4	Hộp	0,0018

4. Thiết kế trình bày tranh, ảnh trong báo điện tử

4.1. Tên định mức: Định mức công tác thiết kế trình bày tranh, ảnh trong báo điện tử

4.2. Bảng định mức thiết kế trình bày tranh, ảnh trong báo điện tử

Đơn vị tính: 01 tranh (ảnh)

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
03.04.01.01	Nhân công		
	Kỹ sư thiết kế bậc 3/9	Công	0,009
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,0216
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,1071
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,00045
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	5,4
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,0018

5. Thiết kế trình bày bảng, hộp chữ trong báo điện tử

5.1. Tên định mức: Định mức công tác thiết kế trình bày bảng, hộp chữ trong báo in, báo điện tử

5.2. Bảng định mức thiết kế trình bày bảng biểu, hộp chữ trong báo điện tử

Đơn vị tính: 01 bảng biểu/ hộp chữ

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
03.05.01.01	<i>Nhân công</i>		
	Kỹ sư thiết kế bậc 3/9	Công	0,0756
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,018
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,0909
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,00045
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy A4	Tờ	5,4
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,0018

PHỤ LỤC V
ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC IN CÁC LOẠI ẢN PHẨM BẢO IN
(Kèm theo Quyết định số 09 /2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

1. Công tác bình bản thủ công

1.1. Tên định mức: Định mức công tác bình bản thủ công

1.2. Bảng định mức công tác bình bản thủ công cho 1 bản kẽm

Đơn vị tính: 01 bản bình

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.01.01.01	Nhân công		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	0,0999

2. Công tác in bản can

2.1. Tên định mức: Định mức công tác in bản can khổ A4

2.2 Bảng định mức công tác in bản can khổ A4

Đơn vị tính: 100 tờ khổ A4

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.02.01.01	Nhân công		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	0,0234
	Máy sử dụng		
	Máy in laser A4 đen trắng - Chuyên in giấy can	Ca	0,0234
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,0234
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy can A4	Tờ	94,5
	Mực in laser A4	hộp	0,189
	Vật liệu phụ	%	4,5

3. Công tác ghi bản phim và bình bản

3.1. Tên định mức: Định mức công tác ghi bản phim và bình bản

3.2. Bảng định mức công tác in bản phim

Đơn vị tính: 100 tờ phim

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.03.01.01	Nhân công		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	0,0288
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy ghi phim chuyên dùng	Ca	0,0288
	Vật liệu sử dụng		
	Phim bitonal, greyscale and color	Tờ	91,8
	Vật liệu phụ	%	4,5

4. Công tác ghi bản kẽm từ bản can hoặc bản phim

4.1. Tên định mức: Định mức công tác in bản kẽm từ bản can hoặc bản phim

4.2. Bảng định mức công tác ghi bản kẽm từ bản can hoặc bản phim

Đơn vị tính: 100 bản kẽm

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.04.01.01	Nhân công		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	11,475
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy phơi kẽm thủ công	Ca	11,475
	Vật liệu sử dụng		
	Bản kẽm	Bản	91,8
	Vật liệu phụ	%	4,5

5. Công tác ghi bản kẽm từ file và bình bản

5.1. Tên định mức: Định mức công tác ghi bản kẽm từ file và bình bản

5.2. Bảng định mức công tác ghi bản kẽm từ file

Đơn vị tính: 100 bản kẽm

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.05.01.01	<i>Nhân công</i>		
	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	1,6389
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Hệ thống máy in kẽm tự động	Ca	1,6389
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Bản kẽm	Bản	91,8
	Vật liệu phụ	%	4,5

6. Công tác in offset 1 màu, 2 màu và 4 màu

6.1. Tên định mức: Định mức công tác in offset 1 màu

6.2. Bảng định mức

6.2.1. Bảng định mức công tác in offset 1 màu (màu đen), giấy cuộn, in báo khổ giấy 608mm x 914 mm, in 2 mặt đồng thời

Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 1 màu đen, khổ giấy 608x914mm

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.06.01.01	<i>Nhân công</i>		
	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	0,495
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Hệ thống máy in offset giấy cuộn, in 2 mặt, tự động	Ca	0,0828
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy in	m ²	5501,547
	Mực in đen	Kg	7,335
	Vật liệu phụ	%	4,5

6.2.2. Bảng định mức công tác in offset 1 màu (màu khác màu đen), giấy cuộn, in báo khổ giấy 608mm x 914mm, in 2 mặt đồng thời

Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 1 màu khác màu đen, khổ giấy 608x914mm

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.06.01.02	Nhân công		
	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	0,495
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy in offset giấy cuộn, in 2 mặt, tự động	Ca	0,0828
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in	m ²	5501,547
	Mực in màu	Kg	8,253
	Vật liệu phụ	%	4,5

6.2.3. Bảng định mức công tác in offset 2 màu giấy cuộn, in báo khổ giấy 608mm x 914mm, in 2 mặt đồng thời

Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 2 màu, khổ giấy 608x914mm

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.06.01.03	Nhân công		
	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	0,5778
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy in offset giấy cuộn, in 2 mặt, tự động	Ca	0,0828
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in	m ²	5501,547
	Mực in màu	Kg	16,506
	Vật liệu phụ	%	4,5

6.2.4. Bảng định mức công tác in offset 4 màu giấy cuộn, in báo khổ giấy 608mm x 914mm, in 2 mặt đồng thời

Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 4 màu, khổ giấy 608x914mm

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.06.01.04	<i>Nhân công</i>		
	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	0,6597
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Hệ thống máy in offset giấy cuộn, in 2 mặt, tự động, 4 màu	Ca	0,0828
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy in	m ²	5501,547
	Mực in màu	Kg	33,012
	Vật liệu phụ	%	4,5

6.2.5. Bảng định mức công tác in offset, 1 màu (màu đen), giấy rời, in báo khổ giấy 790mm x 1.090mm, in 2 mặt, đảo mặt thủ công

Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 1 màu đen, khổ giấy 790x1.090mm

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.06.01.05	<i>Nhân công</i>		
	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	0,6876
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Hệ thống máy in offset 1 màu, tờ rời	Ca	0,6876
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy in	m ²	8524,89
	Mực in đen	Kg	8,523
	Vật liệu phụ	%	4,5

6.2.6. Bảng định mức công tác in offset, 1 màu (màu khác màu đen), giấy rời, in báo khổ giấy 790mm x 1.090mm, in 2 mặt, đảo mặt thủ công

Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 1 màu, khổ giấy 790x1.090mm

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.06.01.06	Nhân công		
	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	0,6876
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy in offset 1 màu, tờ rời	Ca	0,6876
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in	m ²	8524,89
	Mực in màu	Kg	9,648
	Vật liệu phụ	%	4,5

6.2.7. Bảng định mức công tác in offset, 2 màu, giấy rời, in báo khổ giấy 790mm x 1.090mm, in 2 mặt, đảo mặt thủ công

Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 2 màu, khổ giấy 790x1.090mm

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.06.01.07	Nhân công		
	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	1,3752
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy in offset 2 màu, tờ rời	Ca	0,6876
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in	m ²	8.524,89
	Mực in màu	Kg	19,305
	Vật liệu phụ	%	4,5

6.2.8. Bảng định mức công tác in offset, 4 màu, giấy rời, in báo khổ giấy 790mm x 1.090mm, in 2 mặt, đảo mặt thủ công

Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 4 màu, khổ giấy 790x1.090 mm

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.06.01.08	Nhân công		
	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	2,7504
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy in offset 4 màu, tờ rời	Ca	0,6876
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in	m ²	8.524,89
	Mực in màu	Kg	38,601
	Vật liệu phụ	%	4,5

7. Công tác xén

7.1. Tên định mức: Định mức công tác xén

7.2. Bảng định mức

7.2.1. Bảng định mức công tác xén 1 mặt để gấp

Đơn vị tính: 10.000 bản in

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.07.01.01	Nhân công		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	0,225
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy cắt 1 mặt	Ca	0,1125

7.2.2. Bảng định mức công tác xén 3 mặt để hoàn thiện ấn phẩm dạng cuốn (dạng quyển)

Đơn vị tính: 1.000 cuốn độ dày 5,1cm

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.07.01.02	Nhân công		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	1,0224
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy xén 3 mặt	Ca	0,51138

8. Công tác gấp

8.1. Tên định mức: Định mức công tác gấp

8.2. Bảng định mức công tác gấp 3 vạch

Đơn vị tính: 10.000 bản in

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.08.01.01	<i>Nhân công</i>		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	1,125
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Hệ thống máy gấp 3 vạch	Ca	0,5625

9. Công tác đóng tập

9.1. Tên định mức: Định mức công tác đóng tập

9.2. Bảng định mức

9.2.1. Bảng định mức công tác đóng tập lồng, dập ghim ấn phẩm dạng cuốn khổ A4

Đơn vị tính: 1.000 cuốn khổ A4

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.09.01.01	<i>Nhân công</i>		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	0,2817
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Hệ thống máy đóng ghim tự động	Ca	0,07029
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Dây thép	m	13,5

9.2.2. Bảng định mức công tác đóng tập lồng, dập ghim ấn phẩm dạng cuốn khổ A3

Đơn vị tính: 1.000 cuốn khổ A3

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.09.01.02	<i>Nhân công</i>		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	0,5625
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Hệ thống máy đóng ghim	Ca	0,14067
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Dây thép	m	18

9.2.3. Bảng định mức công tác đóng ấn phẩm dạng cuốn bằng phương pháp khâu chỉ

Đơn vị tính: 10.000 bản in

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.09.01.03	<i>Nhân công</i>		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	3,375
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Hệ thống máy khâu chỉ sách	Ca	1,125
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Chỉ khâu	m	135

9.2.4. Bảng định mức công tác đóng ấn phẩm dạng cuốn bằng phương pháp keo nhiệt vào bìa

Đơn vị tính: 1.000 cuốn khổ A4

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.09.01.04	<i>Nhân công</i>		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	0,9
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Hệ thống máy đóng sách keo nhiệt	Ca	0,225
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Keo dán các loại	Kg	0,2025

10. Công tác vào bìa

10.1. Tên định mức: Định mức công tác vào bìa

10.2. Bảng định mức

10.2.1. Bảng định mức công tác lồng trang nhất báo bằng phương pháp thủ công

Đơn vị tính: 10.000 bản in

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.10.01.01	<i>Nhân công</i>		
	Công nhân in nhóm I bậc 3/7	Công	2,25

10.2.2. Bảng định mức công tác vào bìa ấn phẩm dạng cuốn bằng phương pháp khâu chỉ, dán keo

Đơn vị tính: 1.000 cuốn khổ A4

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.10.01.02	<i>Nhân công</i>		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	0,09
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Hệ thống máy vào bìa dán keo	Ca	0,0225
	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Keo dán giấy	Kg	0,1125